

Số: 13/2021/NQ-HĐND

Bình Thuận, ngày 08 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng
phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Phí và Lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 34/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Thông tư số 24/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành, liên tịch ban hành của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 4572/TTr-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 150/BC-HĐND ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Ban Pháp chế HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Đối tượng nộp phí:

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng tài liệu về đất đai của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý hồ sơ, tài liệu về đất đai và bản đồ quy hoạch sử dụng đất, bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ chuyên đề, bản đồ địa chính trên địa bàn tỉnh.

b) Tổ chức thu phí:

Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh; Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai đặt tại các huyện, thị xã La Gi và thành phố Phan Thiết; Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

c) Các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh.

3. Đối tượng miễn nộp phí:

a) Hộ nghèo, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các thôn, khu phố, xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

b) Các cơ quan Đảng, Nhà nước thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao; các cơ quan tiến hành hoạt động tổ tụng theo quy định của pháp luật.

4. Mức thu phí:

STT	Loại tài liệu	Đơn vị tính	Thông tin dạng giấy	Thông tin dạng số
I	Cung cấp trực tiếp			
1	Hồ sơ tài liệu	Đồng/01 trang	39.000	32.000
2	Các loại bản đồ	Đồng/01 mảnh	95.000	78.000
3	Hồ sơ khác	Đồng/10 thửa	46.000	
II	Cung cấp qua đường bưu điện, trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử và các hình thức khác			
1	Hồ sơ tài liệu	Đồng/01 trang	41.000	30.000
2	Các loại bản đồ	Đồng/01 mảnh	100.000	75.000
3	Hồ sơ khác	Đồng/10 thửa	48.000	

Mức tính phí khai thác hồ sơ tài liệu được tính cho 01 trang, mỗi trang tăng thêm được tính bằng 0,11 lần mức phí của trang đầu tiên.

Mức tính phí khai thác các loại bản đồ tính cho 01 mảnh, mỗi mảnh tăng thêm được tính bằng 0,11 lần mức phí của mảnh đầu tiên.

Mức tính phí khai thác các loại hồ sơ khác tính cho từ 01 đến 10 thửa, từ thửa thứ 11 trở đi thì mỗi thửa được cộng thêm 4.600 đồng.

Mức thu trên tối đa không vượt quá 300.000 đồng/hồ sơ, tài liệu, bản đồ.

(Mức thu trên không bao gồm chi phí nhân bản, công chứng, chứng thực và gửi tài liệu).

5. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí:

a) Tổ chức thu phí được để lại 70% tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ; nộp 30% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước.

b) Các nội dung khác liên quan đến việc kê khai, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí được thực hiện theo Luật Phí và lệ phí, Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận Khóa XI, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 12 năm 2021. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 55/2018/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban công tác Đại biểu - UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh,
Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bình Thuận;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành và đoàn thể tỉnh;
- Các Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh,
UBND tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước Bình Thuận;
- HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, (CTHĐ.08b), K.T.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hoài Anh